

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 12- 2023

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Trân

Bà Nguyễn Hồng Xứng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 50/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh ngày 15/03/1981

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Ông DANG BAO DINH (Đặng Đình B), sinh ngày 21/12/1970

Địa chỉ theo giấy chứng nhận kết hôn: 4316 ALTADENA AVE # 6 SAN DIEGO CA 92115 USA.

Địa chỉ thường trú hiện nay: 4321 ESTRELLA AVE SAN DIEGO CA 92115-4931 USA.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T trình bày:

Năm 2005, bà quen ông DANG BAO DINH, sau 03 năm tìm hiểu ông bà có tình cảm với nhau nên quyết định tiến đến hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/2009. Sau khi kết hôn ông bà sống chung ở Việt Nam được 01 tháng thì ông DANG BAO DINH trở về Hoa Kỳ. Đến tháng 01/2011 ông DANG BAO DINH quay trở lại Việt Nam thăm mẹ con bà T khoảng 01 tháng sau đó ông DANG BAO DINH quay về Hoa Kỳ. Đến đầu năm 2016 ông DANG BAO DINH có quay về Việt Nam thăm mẹ con bà T được 01 tháng, sau đó ông DANG BAO DINH quay về Hoa Kỳ đến nay không quay trở lại Việt Nam lần nào nữa nhưng vẫn còn

liên lạc với nhau qua điện thoại thăm con. Do khoảng cách địa lý xa nên vợ chồng xa mặt cách lòng, bà T nghi ngờ ông DANG BAO DINH có người phụ nữ khác, vợ chồng không còn sự quan tâm như trước nên tình cảm dần phai nhạt.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông DANG BAO DINH.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông DANG BAO DINH có 02 người con chung tên Đặng Quang L, sinh ngày 18/8/2008 và Đặng Quang B1, sinh ngày 04/10/2016, hiện nay đang sống cùng bà T, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu ông DANG BAO DINH cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông DANG BAO DINH: Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ cho ông DANG BAO DINH về yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Anh T và thời gian giải quyết vụ án. Đến khi xét xử sơ thẩm, ông DANG BAO DINH không có ý kiến và vắng mặt tố tụng tại Tòa không lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T với bị đơn ông DANG BAO DINH. Về con chung tiếp tục giao 02 người con chung tên Đặng Quang L, sinh ngày 18/8/2008 và Đặng Quang B1, sinh ngày 04/10/2016 cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông DANG BAO DINH cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông DANG BAO DINH vắng mặt tại phiên tòa theo thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ. Căn cứ theo quy định tại các điều Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T:

Xét thấy bà Nguyễn Thị Anh T và ông DANG BAO DINH tìm hiểu quen biết nhau, hai bên có tình cảm và tự nguyện kết hôn, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/2009. Do đó hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Anh T và ông DANG BAO DINH là hợp pháp.

Nguyên nhân ly hôn: Bà T xác định sau khi kết hôn, ông bà sống chung khoảng 01 tháng, sau đó ông DANG BAO DINH trở về Hoa Kỳ làm việc. Thời gian sau có về

thăm mẹ con bà T được vài lần, phần lớn vợ chồng sống xa nhau. Do khoảng cách địa lý xa nên vợ chồng xa mặt cách lòng, bà T nghi ngờ ông DANG BAO DINH có người phụ nữ khác, vợ chồng không còn sự quan tâm như trước nên tình cảm dần phai nhạt. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm vợ chồng với nhau nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông DANG BAO DINH.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp hợp lệ và ông DANG BAO DINH đã nhận được thông báo của của Tòa án, nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm ông DANG BAO DINH vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Anh T và ông DANG BAO DINH đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Anh T với ông DANG BAO DINH.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Anh T và ông DANG BAO DINH có 02 người con chung tên Đặng Quang L, sinh ngày 18/8/2008 và Đặng Quang B1, sinh ngày 04/10/2016, hiện nay đang sống cùng bà T. Hai cháu Đặng Quang L và Đặng Quang B1 trình bày ý kiến có nguyện vọng sống với bà T, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con và không yêu cầu ông DANG BAO DINH cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu của bà T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số 0005703 ngày 17/01/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

[6] Lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí thực tế ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp 200.000 đồng, chi phí thực tế ủy thác tư pháp 95 USD.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 153, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 8 Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh T về việc yêu cầu ly hôn với ông DANG BAO DINH (Đặng Đình B).

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Anh T được ly hôn với ông DANG BAO DINH.

1. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Đặng Quang L, sinh ngày 18/8/2008 và Đặng Quang B1, sinh ngày 04/10/2016 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục đến khi cháu L và B1 đủ 18 tuổi. Bà T không yêu cầu ông DANG BAO DINH cấp dưỡng nuôi con.

Ông DANG BAO DINH được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở, khi cần thiết ông bà đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà T đã nộp theo biên lai thu số 0005703 ngày 17/01/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

5. Về chi phí thực hiện ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị Anh T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp là 200.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số ứng lệ phí số 0016401 ngày 08/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang. Chi phí thực tế ủy thác tư pháp 95 USD, đã nộp xong theo chứng từ giao dịch ngày 08/02/2023 tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh K.

6. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông DANG BAO DINH có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- UBND tỉnh KG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Út Mẫn

